

Số: 3373/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016 - 2020; đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2842/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 12 năm 2016;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Tạo bước đột phá về thể chế, tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) về tài nguyên và môi trường, trong đó tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi pháp luật; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, với chi phí tuân thủ thấp. Hoàn thành 100% Chương trình xây dựng văn bản pháp luật năm 2018, không để tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết, pháp lệnh.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, tạo điều kiện thuận lợi và giảm tối đa chi phí của tổ chức, cá nhân và cơ quan trong thực hiện, giải quyết TTHC, mục tiêu cắt giảm tối thiểu 45% điều kiện đầu tư kinh doanh; từng bước xóa bỏ các TTHC không cần thiết; xây dựng hệ thống TTHC đơn giản, công khai, minh bạch; thực hiện tốt việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích; đẩy mạnh thực hiện thí điểm liên thông giải quyết một số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC; đảm bảo 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ vận hành theo cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, kết nối với cổng thông tin một cửa quốc gia theo kế hoạch của Chính phủ.

3. Đẩy mạnh thực hiện đổi mới, sắp xếp và kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế trên cơ sở triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và Quyết định số 2283/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, mục tiêu phấn đấu giảm 2,5% số tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ và tiếp tục tinh giản thêm 1,7% biên chế so với năm 2015; triển khai xây dựng phương án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ; tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương.

4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách về tinh giản biên chế theo quy định.

5. Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học công nghệ công lập trên cơ sở triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; hoàn thiện đồng bộ về cơ chế tài chính đối với các hoạt động của ngành tài nguyên và môi trường; đẩy mạnh việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xác định đơn giá sản phẩm, góp phần làm minh bạch tài chính trong đơn vị; bảo đảm việc phân bổ, sử dụng ngân sách và các nguồn kinh phí khác minh bạch, hiệu quả, quản lý theo mục tiêu.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của Bộ, giữa các đơn vị với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân;

cập nhật và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường; triển khai xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường, nhất là về đất đai, quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành thông suốt, kết nối giữa Bộ với Chính phủ, các Bộ, ngành và các Sở Tài nguyên và Môi trường; nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3, mức độ 4 theo kế hoạch; xây dựng và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ.

II. NHIỆM VỤ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về CCHC của Bộ; tổ chức và triển khai các phong trào thi đua thực hiện công tác CCHC của Bộ; gắn kết quả thực hiện CCHC trong xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với thủ trưởng đơn vị cũng như với các tập thể, cá nhân thuộc Bộ.

b) Tổ chức các buổi họp báo, hội nghị trực tuyến với tổ chức, cá nhân về chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường.

c) Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và kế hoạch CCHC năm 2018 bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu về tiến độ và hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng về công tác CCHC, cải cách TTHC trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; tiếp tục chỉ đạo các địa phương trong tổ chức thực thi quy trình, TTHC trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường; nâng cao ý thức kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm thi hành công vụ của công chức, viên chức.

đ) Thực hiện triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2017 của Bộ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; thực hiện chấm điểm và công bố kết quả Chỉ số CCHC năm 2017 đối với các tổng cục, cục trực thuộc Bộ; triển khai thực hiện điều tra, đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với các dịch vụ hành chính công thực hiện tại Bộ.

e) Tiếp tục vận hành và duy trì thông suốt hoạt động các đường dây nóng: đường dây nóng tiếp nhận, giải quyết phản ánh của người dân, doanh nghiệp về tình trạng vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường; đường dây nóng tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về tình trạng vi phạm pháp luật về đất đai và những nhiễu trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đường dây nóng tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường; kịp thời phát hiện và giải quyết các phản ánh, kiến nghị, vướng mắc về tình hình vi

phạm trong hoạt động quản lý về tài nguyên và môi trường tại Trung ương và địa phương.

g) Phối hợp với Đảng ủy Bộ, Công đoàn Bộ và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác CCHC của Bộ; tiến hành kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch CCHC, việc thực thi công vụ trong các cơ quan thuộc Bộ.

2. Cải cách thể chế

a) Thực hiện Chương trình xây dựng và ban hành VBQPPL năm 2018 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ bảo đảm trình tự, thủ tục theo quy định; trọng tâm là hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua Luật đo đạc và bản đồ; trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, cho ý kiến dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các Luật có liên quan; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật: khoáng sản; tài nguyên nước; khí tượng thủy văn; đa dạng sinh học; tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phù hợp với Luật quy hoạch.

b) Rà soát VBQPPL thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bảo đảm khắc phục các quy định còn bất cập và phù hợp với các luật mới được ban hành; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

c) Tổ chức kiểm tra VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của các Bộ, ngành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đúng căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền về nội dung và hình thức, nội dung văn bản phù hợp với quy định của pháp luật, đúng thể thức kỹ thuật trình bày và tuân thủ các quy định về ban hành VBQPPL; tăng cường kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo hướng phối hợp chặt chẽ với cơ sở, địa phương, trong đó tập trung vào các lĩnh vực quản lý đất đai, địa chất và khoáng sản, môi trường.

d) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết: 19-2017/NQ-CP ngày 06 ngày 02 tháng 2017 của Chính phủ về tiếp tục những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách TTHC trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh. Tiếp tục tổ

chức triển khai Quyết định số 2522/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện cải cách TTHC trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (các Chỉ thị: số 13/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2015 về tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong công tác cải cách TTHC; số 18/CT-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2015 về tiếp tục tăng cường quản lý và cải cách TTHC trong lĩnh vực hải quan; số 24/CT-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2015 về đẩy mạnh thực hiện cải cách TTHC trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường); Quyết định số 3199/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy trình thí điểm liên thông giải quyết một số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Tiếp tục thực hiện tốt khâu đánh giá tác động, đơn giản hóa TTHC trong quá trình xây dựng VBQPPL; duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng việc thẩm định các quy định, TTHC trong các dự thảo VBQPPL; cập nhật, công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của Bộ và niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC; truyền thông, tuyên truyền về hoạt động cải cách TTHC, kiểm soát TTHC của Bộ.

c) Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định, TTHC không cần thiết, không phù hợp, gây phiền hà, tốn kém cho tổ chức, cá nhân; xây dựng quy trình giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân trong nội bộ cơ quan nhằm bảo đảm nhanh, gọn, khoa học, thuận tiện, rút ngắn thời gian thực hiện phân công trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết TTHC.

d) Tiếp tục duy trì việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính, tình hình giải quyết TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ và chính sách, pháp luật tài nguyên và môi trường; các kiến nghị đề xuất đơn giản hóa quy định, TTHC thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao; tổ chức đối thoại, giải đáp trực tuyến để giải quyết các vướng mắc của người dân và doanh nghiệp về TTHC trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; kiểm tra việc giải quyết TTHC của các đơn vị trực thuộc Bộ.

đ) Tăng cường năng lực, nâng cao hiệu quả của Văn phòng Tiếp nhận xử lý và trả kết quả giải quyết TTHC trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (Văn phòng một cửa) của Bộ theo hướng ngày càng rút ngắn thời gian và đơn giản hóa TTHC cho tổ chức, cá nhân.

e) Xây dựng Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động quản lý nhà nước của Bộ, triển khai hệ thống thông tin báo cáo tổng hợp ngành tài nguyên và môi trường phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải tiến công tác báo cáo theo hướng đơn giản hóa về phương thức, nhiều số liệu mang tính định lượng

xuyên suốt từ trung ương đến địa phương; tiếp tục thực hiện nhiệm vụ rà soát, đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, đặc biệt trong giải quyết TTHC; Triển khai, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 tích hợp các dịch vụ tiện ích vào Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ, kết nối với các hệ thống dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) liên quan.

h) Tăng cường nguồn lực, nâng cao năng lực công chức làm công tác xây dựng pháp luật và kiểm soát TTHC; ưu tiên bố trí nguồn lực, kinh phí thỏa đáng cho công tác cải cách, kiểm soát TTHC.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 1899/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2017 về danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 2283/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2016 về Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

b) Xây dựng thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

c) Tiếp tục thực hiện đề án vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, viên chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016 - 2020” quy định tại Quyết định số 2441/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

b) Tiếp tục tổ chức thực hiện các Quyết định: số 1772/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động của Bộ thực hiện chính sách tinh giản biên chế và cơ

cầu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ; các Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Hội nghị Trung ương 7 khóa XI): số 63-KL/TW ngày 27 tháng 5 năm 2013 một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020, số 64-KL/TW ngày 28 tháng 5 năm 2013 một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; Quyết định số 3222/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 3113/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế đánh giá và phân loại công chức, viên chức thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/BCSĐTNMT ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công tác luân chuyển, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; ban hành văn bản chỉ đạo việc tiếp tục tăng cường thực hiện Nghị quyết; xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác luân chuyển, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý.

đ) Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền; cử công chức, viên chức dự thi nâng ngạch, thăng hạng tại các kỳ thi do Bộ quản lý công chức, viên chức chuyên ngành tổ chức.

e) Phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Quy chế thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng và tương đương thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các đơn vị trực thuộc Bộ; nâng cao trách nhiệm đối với thủ trưởng các đơn vị trong việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng; triển khai tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đáp ứng các tiêu chuẩn ngạch công chức và hạng viên chức.

h) Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2012 - 2020; hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016 - 2020.

6. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ; tiếp tục thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị Quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tiếp tục cải tiến công tác dự toán, phân bổ, cân đối ngân sách nhà nước và quản lý chi tiêu để tạo sự chủ động và tăng cường trách nhiệm của các đơn vị, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Rà soát, cập nhật và hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản quy định về quản lý tài chính, kế toán thuộc thẩm quyền của Bộ theo quy định; phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính ngành tài nguyên và môi trường.

d) Rà soát, xây dựng, sửa đổi định mức kinh tế - kỹ thuật còn chưa phù hợp hoặc còn thiếu; xây dựng đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ đấu thầu, đặt hàng; tiếp tục xây dựng các đề án thu phí và lệ phí thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

đ) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh phân cấp quản lý tài chính, tài sản, bảo đảm tính công bằng, minh bạch trong cơ chế quản lý tài chính của Bộ.

e) Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý tài chính của các đơn vị trực thuộc Bộ.

7. Hiện đại hóa hành chính

a) Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018; kế hoạch ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước của Bộ giai đoạn 2016 - 2020; chương trình hành động thực hiện Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2016 - 2020 thuộc phạm vi Bộ Tài nguyên và Môi trường; tiếp tục thực hiện Chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường; triển khai và cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Đẩy mạnh việc xây dựng, trình ban hành các VBQPPL và văn bản điều hành của Bộ về ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường, từng bước hình thành hành lang pháp lý cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của ngành.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành của

Bộ, quản lý, điều hành và xử lý công việc của các đơn vị, đặc biệt là sử dụng đồng bộ, thường xuyên các hệ thống phần mềm điều hành qua mạng của Bộ trong tất cả các đơn vị trực thuộc các cấp đến phòng, ban; bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống thư điện tử và phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của Bộ phục vụ công tác quản lý và điều hành, 100% các văn bản, tài liệu chính thức được thực hiện trên mạng điện tử trừ văn bản mật, ứng dụng chữ ký số, cải tiến phương thức làm việc, từng bước hiện đại hóa hành chính.

d) Triển khai xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường, nhất là về đất đai, quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng đề án hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long; tiếp tục hoàn thiện và vận hành hệ thống thông tin hỗ trợ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa tại Bộ Tài nguyên và Môi trường và hệ thống DVCTT thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường bảo đảm hoạt động hiệu quả của Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả (Văn phòng một cửa) của Bộ theo hướng ngày càng rút ngắn thời gian, đơn giản hóa TTHC và công tác tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; công khai giải đáp chính sách, pháp luật tài nguyên và môi trường liên quan đến tổ chức, cá nhân; đẩy mạnh tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua môi trường mạng hoặc sử dụng dịch vụ bưu chính công ích.

e) Tiếp tục triển khai văn bản điện tử gắn với chữ ký số trong việc gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; triển khai module kết nối, liên thông văn bản điện tử của Bộ với Trục liên thông do Văn phòng Chính phủ chủ trì đến các đơn vị trực thuộc Bộ, sẵn sàng liên thông văn bản của Bộ với Chính phủ, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố.

g) Tổ chức đào tạo, tập huấn về công nghệ cũng như quản lý hệ thống thông tin cho cán bộ Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, xây dựng và vận hành ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của ngành từ Trung ương đến địa phương; đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ và các dịch vụ về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường.

h) Xây dựng, mở rộng và đôn đốc việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ.

III. GIẢI PHÁP

1. Bộ trưởng, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trực tiếp chỉ đạo công tác CCHC của Bộ, của đơn vị; tiếp tục xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm,

xuyên suốt; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; đưa nội dung CCHC vào nội dung giao ban định kỳ của đơn vị; tăng cường và phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức Đảng, đoàn thể trong chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Thực hiện vai trò, trách nhiệm người đứng đầu đơn vị trong tổ chức thực hiện công tác CCHC theo quy định tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC; Quyết định số 1618/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong công tác CCHC; Quyết định số 2988/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2017 ban hành Quy định về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị trực thuộc Bộ trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

3. Bảo đảm kinh phí thực hiện công tác CCHC được bố trí từ nguồn kinh phí thường xuyên của Bộ, của các đơn vị và các nguồn lực tài chính hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

4. Tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác CCHC ở các đơn vị thuộc Bộ; đồng thời, có chế độ, chính sách hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác CCHC.

5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm thi hành công vụ của công chức, viên chức; phối hợp kiểm tra một số địa phương về TTHC trong lĩnh vực đất đai, môi trường.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế để tranh thủ hỗ trợ về nguồn vốn, đào tạo, chuyển giao công nghệ quản lý, góp phần đẩy mạnh công tác CCHC của Bộ Tài nguyên và Môi trường và của ngành tài nguyên và môi trường.

7. Khen thưởng kịp thời, chính xác những đơn vị, cá nhân có thành tích và phê bình, kỷ luật những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa nghiêm túc nhiệm vụ CCHC; công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ

a) Khẩn trương chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC năm 2018 của đơn vị, bám sát nội dung, nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC năm 2018 của Bộ, thời gian ban hành chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Kế hoạch CCHC của Bộ được ban hành.

b) Tổ chức lập dự toán kinh phí để thực hiện các đề án, dự án, chương trình (nếu có), nhiệm vụ CCHC năm 2018, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chỉ đạo nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo CCHC định kỳ (quý I, sáu tháng, quý III, năm) của đơn vị và gửi về Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 01 tháng cuối quý.

d) Bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện có hiệu quả công tác CCHC.

2. Trách nhiệm của Vụ Tổ chức cán bộ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện nội dung cải cách tổ chức bộ máy và nội dung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Kế hoạch.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc thực hiện Kế hoạch.

c) Trình Bộ trưởng các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; thực hiện kiểm tra công tác CCHC năm 2018 của Bộ.

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện công tác CCHC hàng quý, 6 tháng và năm 2018 của Bộ theo Kế hoạch.

3. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo nội dung cải cách thể chế và nội dung cải cách thủ tục hành chính của Bộ theo Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc các đơn vị được giao chủ trì xây dựng VBQPPL theo Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2018 của Bộ.

4. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh kinh phí cho các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ CCHC trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 của Bộ.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo nội dung cải cách tài chính công của Bộ theo Kế hoạch.

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về xây dựng dự toán và điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2018 để phân bổ kinh phí thực hiện công tác CCHC năm 2018 của Bộ.

5. Trách nhiệm của Vụ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, trình ban hành kế hoạch xây dựng, mở rộng duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ; theo

đôi, đôn đốc và định kỳ báo cáo việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các đơn vị trực thuộc Bộ.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ rà soát, đánh giá, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật áp dụng vào hoạt động của các đơn vị trực thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

6. Trách nhiệm của Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ (Cổng thông tin điện tử Bộ), Báo Tài nguyên và Môi trường, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch, hướng dẫn triển khai và định kỳ báo cáo việc thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ CCHC năm 2018 của Bộ.

b) Tổ chức phong trào thi đua thực hiện Kế hoạch; đề xuất khen thưởng kịp thời, chính xác những đơn vị, cá nhân có thành tích và phê bình, kỷ luật những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa nghiêm túc nhiệm vụ CCHC năm 2018 của Bộ.

7. Trách nhiệm của Vụ Hợp tác quốc tế

Nghiên cứu, đề xuất lãnh đạo Bộ các giải pháp, nhiệm vụ tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác CCHC năm 2018 của Bộ.

8. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo nội dung cải cách TTHC của Bộ theo Kế hoạch; chủ trì, theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy chế làm việc của Bộ; phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện nội dung hiện đại hóa hành chính của Kế hoạch; tiếp nhận, theo dõi, đôn đốc việc xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân.

9. Trách nhiệm của Thanh tra Bộ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; chủ trì tổng hợp thông tin về đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về tiêu cực trong hoạt động quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nội dung nêu trên.

b) Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC năm 2018 của các đơn vị trực thuộc Bộ.

10. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện và định kỳ báo cáo nội dung hiện đại hóa nền hành chính của Bộ theo Kế hoạch.

11. Đối với các cấp ủy đảng và các tổ chức, đoàn thể trong Bộ

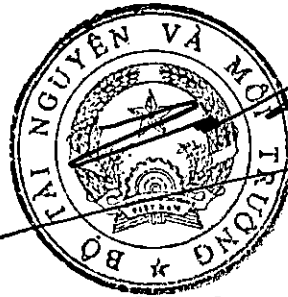
Đề nghị Đảng ủy Bộ, Công đoàn Bộ và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Bộ có kế hoạch phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy và tổ chức đoàn thể trực thuộc tham gia tổ chức thực hiện Kế hoạch; cấp ủy đảng, tổ chức đoàn thể các đơn vị thuộc Bộ tham gia cùng lãnh đạo đơn vị tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ trực thuộc Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông;
- Ban cán sự đảng Bộ;
- Đảng ủy Bộ, Đảng ủy Khối cơ sở Bộ TN&MT tại TP. Hồ Chí Minh, Công đoàn Bộ, Đoàn TNCS HCM Bộ, Hội CCBCQ Bộ;
- Các Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCCB. MP100.

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

PHỤ LỤC

Danh mục các nhiệm vụ, hoạt động thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3373/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|----------|---|--|--|---|-----------------------------|
| I | CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH | | | | |
| 1 | Xây dựng, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) | Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2019 của Bộ. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các Vụ trực thuộc Bộ; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ và các đơn vị có liên quan | Tháng 12/2018 |
| 2 | Tổ chức hội nghị tổng kết năm | Hội nghị tổng kết công tác CCHC năm 2018 của Bộ. | | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Tháng 12/2018 |
| 3 | Kiểm tra công tác CCHC và tổ chức cán bộ | 3.1. Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, công tác tổ chức cán bộ năm 2019 của Bộ. | | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Tháng 12/2018 |
| | | 3.2. Tổ chức thực hiện kiểm tra công tác CCHC, công tác tổ chức cán bộ năm 2018 theo kế hoạch. | Các Vụ trực thuộc Bộ; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ và các đơn vị được kiểm tra | Quý IV/2018 | |
| 4 | Xây dựng, thực hiện Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC | 4.1. Ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2019 của Bộ. | Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền | Văn phòng Bộ, Báo TN&MT, Tạp chí TN&MT | Tháng 12/2018 |
| | | 4.2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2018 của Bộ. | | Văn phòng Bộ, Báo TN&MT, Tạp chí TN&MT và các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| | | 4.3. Thực hiện đưa tin, bài viết về CCHC trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, chuyên trang CCHC của Bộ. | | Văn phòng Bộ, Báo TN&MT, Tạp chí TN&MT | Năm 2018 |
| 5 | Tổ chức triển khai áp dụng chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC | 5.1. Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2017 của Bộ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các Vụ trực thuộc Bộ; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ và các đơn vị có liên quan | Theo kế hoạch của Bộ Nội vụ |
| | | 5.2. Thực hiện đánh giá, chấm điểm, công bố kết quả Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC năm 2017 đối với các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ. | | Các Vụ trực thuộc Bộ; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ và các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ | Tháng 02/2018 |
| | | 5.3. Đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với một số dịch vụ công thuộc các lĩnh vực quản lý của Bộ. | | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----------|--|--|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| II | HOÀN THIỆN THỂ CHẾ | | | | |
| 1 | Triển khai thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Bộ năm 2018 | 1.1. Xây dựng và hoàn thiện dự án Luật đo đạc và bản đồ trình Quốc hội thông qua trong năm 2018; trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, cho ý kiến dự án sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các Luật có liên quan; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật: Khoáng sản, Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn, Đa dạng sinh học và Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo phù hợp với Luật Quy hoạch. | Các đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ | Vụ Pháp chế | Năm 2018 |
| | | 1.2. Triển khai xây dựng các VBQPPL theo Chương trình xây dựng VBQPPL của Bộ năm 2018. | Các đơn vị được giao chủ trì xây dựng | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| | | 1.3. Ban hành Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2019 của Bộ. | Vụ Pháp chế | Các đơn vị liên quan | Tháng 12/2018 |
| 2 | Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL | 2.1. Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2019 của Bộ. | Vụ Pháp chế | Các đơn vị liên quan | Tháng 12/2018 |
| | | 2.2. Tập trung rà soát, hệ thống hóa VBQPPL các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ. | | Các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 2.3. Kiểm tra các VBQPPL của địa phương, thông tư của các bộ, các văn bản cá biệt chứa quy phạm theo quy định tại Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Vụ Pháp chế | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| 3 | Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ | 3.1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2019 của Bộ. | Vụ Pháp chế | Các đơn vị liên quan | Tháng 12/2018 |
| | | 3.2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2018 của Bộ. | | | Năm 2018 |
| 4 | Thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi, thi hành | 4.1. Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật về TN&MT năm 2019 của Bộ. | Vụ Pháp chế | Các đơn vị liên quan | Tháng 12/2018 |

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|------------|--|--|------------------------|--------------------------|-------------------------------|
| | pháp luật | 4.2. Tổ chức kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ. | | | Năm 2018 |
| 5 | Nâng cao chất lượng công tác xây dựng VBQPPL | Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ xây dựng và ban hành VBQPPL cho các đơn vị trực thuộc Bộ. | Vụ Pháp chế | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| 6 | Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ | 6.1. Ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2019 của Bộ. | Thanh tra Bộ | Các đơn vị liên quan | Tháng 12/2018 |
| | | 6.2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ. | Thanh tra Bộ | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| III | CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | | | | |
| 1 | Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) | 1.1. Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2019 của Bộ. | Văn phòng Bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Tháng 12/2018 |
| | | 1.2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2018 của Bộ. | Văn phòng Bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 1.3. Tổ chức rà soát, đánh giá TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. | Văn phòng Bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 1.4. Đôn đốc, theo dõi việc công bố TTHC và kiểm soát chất lượng dự thảo Quyết định công bố TTHC. | Văn phòng Bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| 2 | Bảo đảm chất lượng TTHC trong dự thảo VBQPPL | 2.1. Kiểm soát việc quy định TTHC trong lập đề nghị xây dựng VBQPPL. | Vụ Pháp chế | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 2.2. Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho các đơn vị trực thuộc Bộ. | Văn phòng Bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 2.3. Tập trung cải cách TTHC, tháo gỡ các cơ chế, chính sách liên quan đến đất đai, môi trường. Tiếp tục cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh và chi phí cho doanh nghiệp | Vụ Pháp chế | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 và các năm tiếp theo |
| 3 | Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về cải | 3.1. Xây dựng Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động quản lý nhà nước của Bộ TN&MT. | Văn phòng Bộ | Các đơn vị liên quan | Năm 2018-2019 |
| | | 3.2. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ rà soát, đơn giản hóa TTHC, trọng tâm là lĩnh vực môi trường. | Vụ Pháp chế | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----------|--|---|------------------------|--|----------------------|
| | cách TTHC | 3.3. Rà soát các TTHC để đưa vào triển khai dịch vụ công trực tuyến hoặc theo cơ chế Hải quan một cửa quốc gia. | Vụ Pháp chế | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| 4 | Cập nhật, công bố, công khai TTHC | Cập nhật, công bố, công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của Bộ và niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC. | Văn phòng Bộ | Các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| 5 | Tiếp nhận, xử lý các phản ánh và kiến nghị của tổ chức, cá nhân | 5.1. Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị về quy định hành chính. | Vụ Pháp chế | Các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 5.2. Tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của các địa phương về chính sách, pháp luật TN&MT. | Vụ Pháp chế | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 5.3. Triển khai hệ thống tiếp nhận và giải đáp người dân và doanh nghiệp về chính sách, pháp luật TN&MT. | Văn phòng Bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| 6 | Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Bộ theo cơ chế một cửa | Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đã được giải quyết đối với các TTHC theo cơ chế một cửa tại Bộ; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình giải quyết TTHC tại các đơn vị thuộc Bộ; định kỳ báo cáo Bộ trưởng kết quả giải quyết TTHC của Bộ. | Văn phòng Bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| IV | CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY | | | | |
| 1 | Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ TN&MT | 1.1. Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của ngành TN&MT tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Năm 2018 |
| | | 1.2. Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc các Tổng cục trực thuộc Bộ TN&MT. | | Các Tổng cục trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 1.3. Giảm đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm mục tiêu giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2021. | | Các đơn vị thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 1.4. Tiếp tục tổ chức thực hiện Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. | | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|----------|--|--|------------------------|---------------------------------|----------------------|
| 2 | Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ngành TN&MT ở địa phương | Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. | Vụ Tổ chức cán bộ | Tổng cục, các Cục trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| V | XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC | | | | |
| 1 | Tổ chức thực hiện các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ về công tác cán bộ. | 1.1. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1772/QĐ-BTNMT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Chương trình hành động của Bộ thực hiện chính sách tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; Triển khai thực hiện Quyết định số 3222/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 của Bộ. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 1.2. Triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 3113/QĐ-BTNMT ngày 06/12/2017 của Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Quy chế đánh giá và phân loại công chức, viên chức thuộc Bộ TN&MT. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 1.3. Tiếp tục triển khai Đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012. | | | Năm 2018 |
| | | 1.4. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/BCSĐTNMT ngày 03/7/2013 của Ban cán sự đảng Bộ TN&MT về công tác luân chuyển, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|----|--|---|---|--|---|
| 2 | Thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực ngành TN&MT | 2.1. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo điều chỉnh Quy hoạch phát triển nhân lực ngành TN&MT đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 2.2. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực TN&MT giai đoạn 2016 - 2020. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| 3 | Triển khai hoàn thiện và thực hiện Đề án vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ | Phê duyệt đề án vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| 4 | Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Bộ đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới | 4.1. Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2019 của Bộ. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ |
| | | 4.2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018 của Bộ. | Vụ Tổ chức cán bộ, các Trường trực thuộc Bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| 5 | Tổ chức thi hoặc cử công chức dự thi nâng ngạch, viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp | 5.1. Xây dựng đề án và tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành TN&MT từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các Tổng cục, các Cục và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương | Năm 2018 |
| | | 5.2. Xây dựng đề án và tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch cán sự, nhân viên lên ngạch chuyên viên. | | Các Vụ, các Tổng cục, các Cục, các Văn phòng trực thuộc Bộ, Thanh tra Bộ | Năm 2018 |
| | | 5.3. Cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp các chuyên ngành khác (không phải ngành TN&MT). | | Các Tổng cục, các Cục và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ | Theo kế hoạch của các Bộ quản lý viên chức chuyên ngành |
| | | 5.4. Cử công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương. | | Các đơn vị trực thuộc Bộ | |

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----------|--|---|--------------------------|--|----------------------|
| 6 | Cập nhật Hệ thống thông tin quản lý công chức, viên chức của Bộ | Cập nhật, hoàn thiện Hệ thống thông tin quản lý công chức, viên chức của Bộ TN&MT. | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Vụ Tổ chức cán bộ, Cục CNTT&DLTNMT và các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| 7 | Thực hiện Đề án “Thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng” | 7.1. Phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Quy chế thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Vụ, cấp Phòng và tương đương thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 7.2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý sau khi được Ban cán sự đảng Bộ phê duyệt. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| 8 | Thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. | 8.1. Đề án được cấp có thẩm quyền ban hành. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 8.2. Tổ chức quán triệt và thực hiện trong toàn ngành tài nguyên và môi trường. | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| VI | CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG | | | | |
| 1 | Tiếp tục thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với các đơn vị thuộc Bộ theo quy định của Chính phủ | 1.1. Rà soát, cập nhật và hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản quy định về quản lý tài chính, kế toán thuộc thẩm quyền của Bộ theo quy định; phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính ngành tài nguyên và môi trường. | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|----|---|--|-------------------------|----------------------|----------------------|
| | | 1.2. Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thực hiện Chương trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016 - 2020; rà soát, điều chỉnh Chương trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ TN&MT giai đoạn 2016 - 2020 theo Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| | | 1.3. Xây dựng đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ đấu thầu, đặt hàng; tiếp tục xây dựng các đề án thu phí và lệ phí thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; thực hiện cơ chế đặt hàng đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN đủ điều kiện đặt hàng. | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| 2 | Công tác phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước | Cải tiến công tác dự toán, phân bổ, cân đối ngân sách nhà nước và quản lý chi tiêu để tạo sự chủ động và tăng cường trách nhiệm của các đơn vị, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| 3 | Công tác quản lý, xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp | Thực hiện công tác xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp bảo đảm tiến độ kế hoạch, kịp thời và đúng quy định hiện hành. | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| 4 | Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính công | 4.1. Sử dụng hiệu quả các phần mềm về quản lý tài sản và quản lý ngân sách nhà nước đã được đầu tư. | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| | | 4.2. Thực hiện quy trình giao dự toán cho các đơn vị qua hệ thống TABMIS bảo đảm nhanh chóng, chính xác. | | | Năm 2018 |

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|----|---|--|-------------------------|----------------------|----------------------|
| 5 | Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính | 5.1. Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| | | 5.2. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. | | | Năm 2018 |
| | | 5.2.1. Thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ. | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| | | 5.2.2. Triển khai Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, công thương, xây dựng, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, sự nghiệp khác). | | | Năm 2018 |
| 6 | Thực hiện cơ cấu lại, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước | Triển khai việc cơ cấu lại, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo đúng Đề án, tiến độ, lộ trình đề ra, không dồn việc thoái vốn vào cuối giai đoạn (2019-2020); kiên quyết thoái hết vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ theo cơ chế thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp cố tình chậm triển khai, trong đó có trách nhiệm của người đứng đầu. | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |
| 7 | Tăng cường năng lực chuyên môn | Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý tài chính của các đơn vị trực thuộc Bộ. | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị liên quan | Năm 2018 |

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|------------|---|--|---|--------------------------|-------------------------------|
| VII | HIỆN ĐẠI HOÁ NỀN HÀNH CHÍNH | | | | |
| 1 | Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý, điều hành hoạt động của Bộ; thực hiện Chiến lược ứng dụng CNTT trong ngành TN&MT | 1.1. Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT của Bộ năm 2019. | Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường (CNTT &DLTNMT) | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Tháng 12/2018 |
| | | 1.2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT của Bộ năm 2018; kế hoạch ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước của Bộ giai đoạn 2016 - 2020. | | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 1.3. Triển khai các dự án, nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng, hoàn thiện, vận hành Chính phủ điện tử. | | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 và các năm tiếp theo |
| | | 1.4. Xây dựng, vận hành, cập nhật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các lĩnh vực TN&MT phục vụ quản lý, điều hành; cung cấp dịch vụ công trực tuyến, công bố, cung cấp thông tin cho người dân và doanh nghiệp. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị ngành TN&MT | Năm 2018 và các năm tiếp theo |
| | | 1.5. Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo tổng hợp ngành TN&MT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị ngành TN&MT | Năm 2018 |
| | | 1.6. Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về kế hoạch tài chính của Bộ TN&MT. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị ngành TN&MT | Năm 2018 |
| | | 1.7. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước về công tác pháp chế tại Bộ TN&MT. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 1.8. Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Bộ TN&MT. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 1.9. Xây dựng hệ thống tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân về vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị ngành TN&MT | Năm 2018 |
| | | 1.10. Tập hợp, số hóa và cập nhật vào các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường để tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Đẩy mạnh việc xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ và thông suốt | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị ngành TN&MT | Năm 2018 và các năm tiếp theo |

| TT | Nội dung nhiệm vụ, dự án | Hoạt động/sản phẩm | Đơn vị chủ trì/đầu mối | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|----|--|---|--------------------------|--|-------------------------------|
| | | 1.11. Xây dựng Đề án hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững và thích ứng với Biến đổi khí hậu | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị ngành TN&MT | Năm 2018 |
| 2 | Thực hiện các nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử | 2.1. Ứng dụng CNTT phục vụ quản lý nhà nước khối cơ quan Bộ TN&MT. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 và các năm tiếp theo |
| | | 2.2. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và triển khai Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ TN&MT. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 và các năm tiếp theo |
| | | 2.3. Ứng dụng chữ ký số trong việc vận hành các hệ thống thông tin của Bộ TN&MT. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 2.4. Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin đất đai - xây dựng. | Tổng cục Quản lý đất đai | Ủy ban nhân dân, Sở TN&MT các địa phương | Năm 2018 và các năm tiếp theo |
| | | 2.5. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai và mô hình giao dịch đất đai điện tử. | Tổng cục Quản lý đất đai | Ủy ban nhân dân, Sở TN&MT các địa phương | Năm 2018 và các năm tiếp theo |
| | | 2.6. Vận hành, sử dụng Hệ thống Hải quan một cửa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, một cửa ASEAN (giai đoạn 2). | Cục CNTT &DL TNMT | Các đơn vị trực thuộc Bộ liên quan | Năm 2018 và các năm tiếp theo |
| 3 | Bảo đảm hệ thống CNTT chất lượng, điều kiện kỹ thuật tốt phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Bộ | 3.1. Hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT hoạt động thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo điều hành nhà nước của Bộ. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| | | 3.2. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin số các hệ thống thông tin và hạ tầng kỹ thuật. | Cục CNTT &DLTNMT | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |
| 4 | Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ | 4.1. Ban hành kế hoạch xây dựng, mở rộng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015 trong hoạt động của Bộ TN&MT. | Vụ Khoa học và Công nghệ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Quý II/2018 |
| | | 4.2. Đôn đốc việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ. | Vụ Khoa học và Công nghệ | Các đơn vị trực thuộc Bộ | Năm 2018 |